

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ
VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Số: 107/BC-TTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM NƯỚC SẠCH ĐỊNH KÌ THÔNG SỐ NHÓM A TRẠM CẤP NƯỚC LONG TRỊ THÁNG 4 NĂM 2025

Stt	Tên mẫu	Ngày nhận mẫu	Thông tin mẫu		Coliforms (CFU/100mL)	E. Coli (CFU/100mL)	Hàm lượng Arsenic (*) (mg/L)	Clo dư (mg/L)	Độ đục (NTU)	Màu sắc (TCU)	Mùi vị	pH
			Tên TCN	Vị trí lấy mẫu								
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
Phương pháp					USEPA Membrane Filtration Method 10029	USEPA Membrane Filtration Method 10029	HACH Method 28000-88	USEPA DPD Method 8021	SMEWW 2130 B:2012	Platinum-Cobalt Standard Method 8025	Cảm quan	USEPA Electrode Method 8022
Ngưỡng giới hạn cho phép theo QCĐP 01:2022/TV					< 3	< 1	0,01	0,2 - 1,0	2	15	Không có mùi, vị lạ	6,0 - 8,5
1	Nước sinh hoạt	14/4/2025	TCN Long Trị	Vòi nước sau xử lý tại trạm cấp nước	0	0	-	0,67	0,25	1,305	Không có mùi vị lạ	7,59
				Tại hộ Dương Thị Bích Phi, ấp Long Trị, xã Long Đức	0	0	-	0,3	0,22	2,54	Không có mùi vị lạ	7,75
				Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức	0	0	-	0,24	0,31	KPH	Không có mùi vị lạ	7,79

- "KPH": Không phát hiện

- Dấu (*) chỉ áp dụng các đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Nơi nhận:

- Giám đốc và các Phó Giám đốc (b/c)
- Phòng QLKTCTCN, XNCLNC, Đội, TCN
- Lưu: HC.

NGƯỜI LẬP


Đỗ Hoàng Sơn

PHÒNG CNAT - XNCLNC


Trương Thành Cột

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Bùi Thị Thu Hòa

Số: 435 /KSBT-XN-CDHA

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00435.25



Tên khách hàng : Trung tâm nước sạch và VSMT Nông thôn tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ : 109 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Địa điểm lấy mẫu : TCN Long Trị
Lượng mẫu : 03 lít
Ngày nhận mẫu : 14/04/2025 - Ngày trả kết quả : 25/4/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh và can nhựa có đậy nắp

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Coliforms(*)	TCVN 6187 - 1: 2019	0 CFU/100ml	< 3 CFU/100ml
2	E. Coli(*)	TCVN 6187 - 1: 2019	0 CFU/100ml	< 1 CFU/100ml
3	Clo dư	US-EPA DPD Method 8021	0,67 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L
4	Xác định độ đục(*)	HD.PP.LH.N.22 HACH 2100Q	0,25 NTU	≤ 2 NTU
5	Xác định độ màu(*)	SMEWW 2120 C - 2023	1,305 TCU	≤ 15 TCU
6	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	Xác định pH(*)	TCVN 6492: 2011	7,59 (ở 30,0 °C)	6,0 - 8,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử được VILAS công nhận; (**): Hợp đồng phụ được VILAS công nhận.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCVN 01: 2022/TV.

KHOA XN- CDHA

Nguyễn Văn Long

Trà Vinh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Hải

Số: 436 /KSBT-XN-CĐHA

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00436.25



Tên khách hàng : Trung tâm nước sạch và VSMT Nông thôn tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ : 109 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Địa điểm lấy mẫu : Hộ Dương Thị Bích Phi, ấp Long Trị, xã Long Đức (TCN Long Trị)
Lượng mẫu : 03 lít
Ngày nhận mẫu : 14/04/2025 - Ngày trả kết quả : 25/4/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh và can nhựa có đậy nắp

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Coliforms(*)	TCVN 6187 - 1: 2019	0 CFU/100ml	< 3 CFU/100ml
2	E. Coli(*)	TCVN 6187 - 1: 2019	0 CFU/100ml	< 1 CFU/100ml
3	Clo dư	US-EPA DPD Method 8021	0,3 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L
4	Xác định độ đục(*)	HD.PP.LH.N.22 HACH 2100Q	0,22 NTU	≤ 2 NTU
5	Xác định độ màu(*)	SMEWW 2120 C - 2023	2,54 TCU	≤ 15 TCU
6	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	Xác định pH(*)	TCVN 6492: 2011	7,75 (ở 30,0 °C)	6,0 - 8,5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử được VILAS công nhận; (**): Hợp đồng phụ được VILAS công nhận.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCDP 01: 2022/TV.

KHOA XN- CĐHA

Nguyễn Văn Chủy

Trà Vinh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Hải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH Đ/C: 109 Phạm Ngũ Lão, Phường 1, TP. Trà Vinh ĐT: (0294) 3852051		
--	--	--

Số phiếu/ *Test No*: /TTN-XN

Ngày/Date 20 tháng/month 4 năm/year 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
/ TEST RESULT

1. Khách hàng/ *Customer*: Trạm cấp nước Long Trị
2. Địa chỉ/ *Address*: Ấp Long Trị, xã Long Đức, tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3. Người lấy mẫu/ *Sample recipient*: Trần Quang Chấn
4. Địa điểm lấy mẫu/ *Location of sampling*: Tại hộ Phạm Văn Thắng, ấp Long Trị, xã Long Đức
5. Ngày lấy mẫu/ *Sample date*: 14/4/2025
6. Tên mẫu thử/ *Name of sample*: Nước sinh hoạt
7. Lượng mẫu/ *Sample volume*: 1000 mL
8. Ngày nhận mẫu/ *Reception date*: 14/4/2025 Ngày trả kết quả/ *Result date*: 20/4/2025
9. Tình trạng mẫu/ *Status of sample*: Mẫu đựng trong chai nhựa có đậy nắp.

STT /No	Chỉ tiêu/ <i>Parameter</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	QCDP 01:2022/TV Ngưỡng giới hạn cho phép/ <i>Maximum limit allowed</i>
1	Coliforms	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	< 3
2	E.Coli	CFU/100mL	USEPA Membrane Filtration Method 10029	0	< 1
3	Asen ^(*)	mg/L	HACH Method 28000-88	KPH	0,01
4	Clo dư	mg/L	USEPA DPD Method 8021	0,24	0,2 – 1,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130 B:2012	0,31	2
6	Màu sắc	TCU	Platinum-Cobalt Standard Method 8025	KPH	15

7	Mùi vị	Không có mùi vị lạ	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
8	pH	-	USEPA Electrode Method 8156	7,79	6,0 – 8,5

Ghi chú: Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm. Dấu (-) là không có đơn vị.

Nhận xét: Các chỉ tiêu trên đạt theo QCDP 01:2022/TV

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Thị Thu Hòa

Ghi chú:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới/ This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/ This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of The Center.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. KPH: Không phát hiện/ Not detected.
5. Sau 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi, mẫu sẽ bị hủy/ After 5 days from the results send, if the customer doesnot response, the sample will be destroyed.